

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16 /2024/HNGĐ-PT

Ngày: 09 - 8 -2024

*“V/v: Tranh chấp cấp dưỡng
nuôi con chung, tài sản chung,
nợ chung sau ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Phi Yến

Ông Ngô Hà Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Minh An - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2024/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc: *“Tranh chấp cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung sau khi hôn”*.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 21/2024/HNGĐ-ST ngày 10/5/2024 của Tòa án nhân dân quận C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐ - PT ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ L, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số A, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm 1980; Địa chỉ thường trú: Số B, phường X quận C, TP Đà Nẵng; Có mặt.

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn T - Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

* *Nguyên đơn bà Đỗ L trình bày:*

Bà Đỗ L và ông Nguyễn T kết hôn với nhau vào ngày 15/11/2012. Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 15/2023/HNGĐ-ST ngày 11/01/2023 của Tòa án nhân dân quận C, TP Đà Nẵng đã xử cho bà Đỗ L được ly hôn với ông Nguyễn T. Cũng theo quyết định của bản án đã giao 02 con chung là Nguyễn Nh, sinh ngày 15/7/2013 và Nguyễn P, sinh ngày 10/7/2016 cho bà Đỗ L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, lúc đó bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tuy nhiên sau khi ly hôn bà L và ông T không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết phần tài sản chung, nợ chung, ông T ít quan tâm đến con cái. Do đó, để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bà và 02 con chung, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề như sau:

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đỗ L yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn T phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Nh, sinh ngày 15/7/2013 và Nguyễn P, sinh ngày 10/7/2016 mỗi tháng 3.000.000 đồng cho mỗi con chung (02 con chung mỗi tháng cấp dưỡng 6 triệu đồng), cấp dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà Đỗ L xác định bà và ông Nguyễn T có tài sản chung là: Nhà và đất tại thửa đất số X, tờ bản đồ số Y, địa chỉ: phường X, quận C, TP Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 876XXX do Ủy ban nhân dân quận C, TP Đà Nẵng cấp ngày 09/5/2011, chỉnh lý biến động sang tên ông Nguyễn T, bà Đỗ L ngày 12/7/2018; Nhà ở trên đất được xây dựng theo giấy phép xây dựng số 3854 do Ủy ban nhân dân quận C cấp ngày 24/7/2018; Địa chỉ tại: phường X, quận C, TP Đà Nẵng. Bà L xác định giá trị nhà và đất này tạm tính tại thời điểm khởi kiện là: 3.400.000.000 đồng (*Ba tỷ, bốn trăm triệu đồng*). Bà Đỗ L đề nghị Tòa án giải quyết, phân chia tài sản chung là nhà và đất này theo tỷ lệ 50-50, bà và ông T mỗi người được hưởng 50% giá trị nhà đất, bà yêu cầu được nhận nhà và đất thối trả giá trị cho ông T.

- Về nợ chung: Bà Đỗ L xác định bà và ông Nguyễn T có khoản nợ chung tại Ngân hàng Z- Chi nhánh Đà Nẵng và thế chấp tài sản chung là nhà và đất để vay, tổng khoản nợ gốc là: 1.300.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm triệu đồng*), gồm các hợp đồng sau:

Hợp đồng vay số DNG/000265/18 ngày 05/9/2018, số tiền vay 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*);

Hợp đồng vay số DNG/000301/18 ngày 10/10/2018 số tiền vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng);

Hợp đồng vay số DNG/000033/19 ngày 28/01/2019, số tiền vay là 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng);

Quá trình thực hiện hợp đồng vay đã trả được tổng công gốc và lãi là: 917.100.000 đồng, trong đó Bà L trả: 716.900.000 đồng; ông T trả: 200.200.000 đồng. Hiện nay theo đơn yêu cầu của Ngân hàng xác định dư nợ hiện tại của bà L, ông T là 828.420.516 đồng. Bà Đỗ L đề nghị Tòa án giải quyết phân chia nợ chung như sau: Ông Nguyễn T có trách nhiệm trả 70% khoản nợ; Bà Đỗ L có trách nhiệm trả 30% khoản nợ.

Quá trình giải quyết vụ án bà Đỗ L và ông Nguyễn T cũng như phía Ngân hàng Z đã thỏa thuận với nhau giải quyết xong về phần tài sản chung và nợ chung. Do đó, ngày 19/3/2024 bà Đỗ L đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, nợ chung, tại văn bản trình bày ý kiến và xin vắng mặt ngày 08/5/2024 Bà L tiếp tục giữ nguyên nội dung xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, nợ chung ngày 19/3/2024.

Bà Đỗ L tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà về phần cấp dưỡng nuôi con chung, cụ thể:

Buộc ông Nguyễn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Nh, sinh ngày 15/7/2013 và Nguyễn P, sinh ngày 10/7/2016 mỗi tháng 3.000.000 đồng cho mỗi con chung (02 con chung mỗi tháng cấp dưỡng 6 triệu đồng), cấp dưỡng từ tháng 10/2023 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Do từ thời điểm khởi kiện (ngày 10/10/2023) cho đến nay ngày 10/5/2024 ông Nguyễn T chưa cấp dưỡng nuôi 02 con chung, nên bà Đỗ L yêu cầu ông T phải cấp dưỡng một lần nuôi 02 con chung từ tháng 10/2023 đến tháng 5/2024 (là: 07 tháng) với số tiền là: $6.000.000 \text{ đồng} \times 7 = 42.000.000 \text{ đồng}$. Buộc ông Nguyễn T phải tiếp tục cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/01 con chung (02 con chung mỗi tháng cấp dưỡng 6.000.000 đồng) bắt đầu từ tháng 6/2024 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Q người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Đỗ L đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, nợ chung. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn như đã nêu trên.

**Bị đơn ông Nguyễn T trình bày:*

Về yêu cầu dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn T cho rằng mức yêu cầu cấp dưỡng mà bà Đỗ L yêu cầu là quá cao so với thu nhập của ông cũng như thực tế chi phí cho các con. Ông T cho rằng nghĩa vụ nuôi dưỡng của cha và mẹ đối với con cái là như nhau; hiện nay thu nhập bình quân của ông từ 08 triệu đồng đến 09 triệu đồng/tháng (*có hợp đồng lao động và thông tin tiền lương chứng minh*). Bản thân ông vừa mới mua đất phải vay tiền Ngân hàng, hàng tháng ông còn phải trả gốc và lãi cho Ngân hàng hết 05 triệu đồng, ngoài ra ông còn phải có nghĩa vụ dưỡng cha già thường xuyên đau ốm và chi phí sinh hoạt cho bản thân ông. Do đó, ông T chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi 01 con chung với mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn T xác định ông và Đỗ L có tài sản chung là nhà và đất như bà Linh trình bày là đúng, ngoài ra, ông T cho rằng ông và bà L còn có một số tài sản chung khác như xe mô tô, đồ dùng sinh hoạt gia đình với tổng trị giá khoảng 50 triệu đồng. Về nợ chung: Ông Nguyễn T xác nhận ông và bà Đỗ L có khoản nợ tại Ngân hàng Z như bà Linh trình bày là đúng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông và bà L cùng với Ngân hàng Z đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết phần tài sản chung, nợ chung. Nguyên đơn bà Đỗ L rút phần yêu cầu khởi kiện về phần chia tài sản chung, nợ chung; Ngân hàng Z rút yêu cầu độc lập về phần nợ chung, bản thân bị đơn ông Nguyễn T không có ý kiến gì.

**Tại đơn yêu cầu độc lập và tại các biên bản hòa giải người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Z trình bày:*

Ngân hàng Z và ông Nguyễn TL, bà Đỗ L (bên vay) đã ký các hợp đồng tín dụng, theo đó Ngân hàng đồng ý cho ông Nguyễn T, bà Đỗ L vay vốn tại Ngân hàng. Tính đến ngày 19/12/2023, bên vay ông Nguyễn T, bà Đỗ L còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 828.420.516 đồng, trong đó gồm: Nợ gốc: 776.800.000 đồng, nợ lãi là: 50.156.682 đồng, lãi quá hạn là: 1.463.834 đồng. Vì vậy, để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn T và bà Đỗ L phải hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền là: 828.420.516 đồng (*Tám trăm hai mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi nghìn, năm trăm mười sáu đồng*), trong đó gồm: Nợ gốc 776.800.000 đồng, nợ lãi là: 50.156.682 đồng, lãi quá hạn, lãi chậm trả là: 1.463.834 đồng.

- Buộc ông Nguyễn T và bà Đỗ L phải hoàn trả toàn bộ số tiền lãi phát sinh, lãi quá hạn và lãi chậm trả tính trên số dư nợ gốc là: 776.800.000 đồng từ ngày 19/12/2023 theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T, bà L trả hết nợ cho Ngân hàng.

- Trường hợp ông T, bà L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất và công trình sửa chữa/xây dựng/tài sản được xây dựng/gắn liền trên tài sản tại thửa đất số X, tờ bản đồ số Y, địa chỉ: phường X, quận C, TP Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 876XXX do Ủy ban nhân dân quận C, TP Đà Nẵng cấp ngày 09/5/2011 để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T, bà L đã tắt toán khoản nợ cho Ngân hàng. Ngày 22/02/2024 Ngân hàng Z đã có đơn xin rút toàn bộ đơn yêu cầu độc lập. Ngày 26/02/2024 Tòa án nhân dân quận C đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của Ngân hàng.

Với nội dung như trên, bản án sơ thẩm số 21/2024/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

I. Căn cứ: Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ L về phân chia tài sản chung, nợ chung sau ly hôn, cụ thể tài sản chung, nợ chung là: nhà và đất tại thửa đất số X, tờ bản đồ số Y, địa chỉ: phường X, quận C, TP Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 876XXX do Ủy ban nhân dân quận C, TP Đà Nẵng cấp ngày 09/5/2011, chỉnh lý biến động sang tên ông Nguyễn T, bà Đỗ L ngày 12/7/2018; Nhà ở trên đất được xây dựng theo giấy phép xây dựng số 3854 do Ủy ban nhân dân quận C cấp ngày 24/7/2018 và khoản nợ chung mà bà Đỗ L và ông Nguyễn T vay tại Ngân hàng Z.

II. Căn cứ:

Các điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 24, Điều 2; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ L đối với bị đơn là ông Nguyễn T về việc “*Tranh chấp cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn*”.

2. Tuyên buộc: Ông Nguyễn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Nguyễn Nh, sinh ngày 15/7/2013 và Nguyễn P, sinh ngày 10/7/2016 mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/01 con chung (02 con chung mỗi tháng phải cấp dưỡng 04 triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tình từ tháng 10/2023 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Do từ tháng 10/2023 đến tháng 5/2024 ông Nguyễn T chưa cấp dưỡng nuôi con chung nên việc cấp dưỡng nuôi con chung, cụ thể như sau:

2.1 Buộc ông Nguyễn T phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Nguyễn Nh, sinh ngày 15/7/2013 và Nguyễn P, sinh ngày 10/7/2016 mỗi tháng 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*)/01 con chung (*02 con chung mỗi tháng 4 triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2023 đến tháng 5/2024 (07 tháng) với tổng số tiền là: 28.000.000 đồng (*hai mươi tám triệu đồng*), cấp dưỡng một lần.

2.2 Buộc ông Nguyễn T phải tiếp tục cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Nh, sinh ngày 15/7/2013 và Nguyễn P, sinh ngày 10/7/2016 mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 con chung (*02 con chung mỗi tháng phải cấp dưỡng 04 triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2024 cho đến khi các con chung Nguyễn Nh, Nguyễn P lần lượt đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng.

3. Về án phí: Buộc bị đơn Nguyễn T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trả lại cho bà Đỗ L khoản tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung 31.500.000 đồng (*Ba mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002705 ngày 25/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận C và khoản tiền tạm ứng án phí cấp dưỡng 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001943 ngày 25/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận C.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 15/5/2024, bị đơn ông Nguyễn T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 21/2024/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận C với lý do: Ông không đồng ý khi Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung Nguyễn Nh và Nguyễn P mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 con chung. Về tài sản chung: Ông đồng ý chia đôi tài sản chung nhà đất tại phường X là để dành tiền cho bà Đỗ L nuôi con, vì nhà đất trên do ông bán nhà tại đường V mà có. Nếu bà L không dành tiền nuôi con, mà yêu cầu ông cấp dưỡng thì ông yêu cầu bà L phải trả lại ông số tiền 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) để ông lấy tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại cuộc sống của ông gặp khó khăn, sẽ không đảm bảo nếu cấp dưỡng nuôi con vì ông phải trả tiền vay Ngân hàng để mua nhà mỗi tháng 5.000.000 đồng và lo cho cha ruột của ông hiện đang bị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn T trong hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, sau khi nghe HĐXX giải thích pháp luật về tài sản chung, ông Nguyễn T đã rút kháng cáo về chia tài sản chung, nên HĐXX không đề cập đến.

[3] Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa phúc thẩm, giữa bà Đỗ L và ông Đặng T thống nhất thỏa thuận với nhau về mức cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Nguyễn Nh, sinh ngày 15/7/2013 và Nguyễn P, sinh ngày 10/7/2016 như sau: Mỗi tháng ông T cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/01 con chung.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu: Xét thấy các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 300 BLTTDS, đề nghị HĐXX phúc thẩm sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 21/2024/DSST ngày 10/5/2024 của TAND quận C, thành phố Đà Nẵng, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nội dung nêu trên.

[5] HĐXX xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm Bà L và ông T đã thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng /01 con chung và thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX công nhận sự thỏa thuận của bà L và ông T tại phiên tòa và sửa bản án sơ thẩm theo hướng trên.

[6] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[7] Do các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nên đương sự kháng cáo là ông T phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm. Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 21/2024/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận C về mức cấp dưỡng nuôi con chung như sau:

1. Ông Nguyễn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Nguyễn Nh, sinh ngày 15/7/2013 và Nguyễn P, sinh ngày 10/7/2016 mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng)/01 con chung (02 con chung mỗi tháng cấp dưỡng 3.000.000 đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2023 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Do từ tháng 10/2023 đến tháng 5/2024 ông Nguyễn T chưa cấp dưỡng nuôi con chung nên việc cấp dưỡng nuôi con chung, cụ thể như sau:

1.1 Ông Nguyễn T cấp dưỡng nuôi 02 con chung: Nguyễn Nh và Nguyễn P mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng)/01 con chung, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2023 đến tháng 5/2024 (07 tháng) với tổng số tiền là: 21.000.000 đồng (*hai mươi một triệu đồng*), cấp dưỡng một lần.

1.2 Ông Nguyễn T tiếp tục cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Nh và Nguyễn P mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng)/01 con chung (02 con chung mỗi tháng cấp dưỡng 3.000.000 đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2024 cho đến khi các con chung Nguyễn Nh, Nguyễn P lần lượt đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu nếu người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Án phí về cấp dưỡng nuôi con chung: 300.000 đồng ông Nguyễn T phải chịu.

3. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001663 ngày 21/6/2024 tại Cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Đà Nẵng.

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng
- Chi cục THADS quận C
- TAND quận C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Năng